

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 4 - 2024  
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Lê Văn Hà

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 426/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị T**, sinh ngày 23/03/1994

Địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.**

Bị đơn: Anh **Lý N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

(Chị **T** có mặt; Anh **N** vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023, nguyên đơn là chị **Thạch Thị T** trình bày:

Vào năm 2015, chị **Thạch Thị T** và anh **Lý N** chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do **UBND xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh** cấp ngày 01/03/2017. Quá trình chung sống có 01 con chung là **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016, hiện sống chung với chị **Thạch Thị T**.

Do vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, chị **Thạch Thị T** đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không duy trì được nên chị **Thạch Thị T** xin ly hôn.

Nay chị **Thạch Thị T** yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh **Lý N**.

Về con chung: Chị **Thạch Thị T** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị **Thạch Thị T** không yêu cầu anh **Lý N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Lý N vắng mặt.**

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung tên là con chung tên **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: do nguyên đơn khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên Tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, nguyên đơn có ý kiến cương quyết đòi ly hôn với bị đơn, đồng thời xác định không còn tình cảm gì đối với bị đơn nữa. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3] Về con chung:** theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn có con chung tên là con chung tên **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016, đang ở cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, tiếp tục giao con chung tên là con chung tên **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con:** Do nguyên đơn không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[6] Về án phí HNST:** Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

**[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị **Thạch Thị T** và anh **Lý N**.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên là con chung tên **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016 cho chị **Thạch Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh **Lý N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

**3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh **Lý N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là **Lý Văn B**, sinh ngày 14/09/2016 do chị **Thạch Thị T** không có yêu cầu.

**4. Về tài sản chung và nợ chung:** Do chị **Thạch Thị T** khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**5. Về án phí, chi phí tố tụng:** Chị **Thạch Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị **Thạch Thị T** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001029 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp.

**6. Án xử công khai,** Chị **Thạch Thị T** có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Anh **Lý N** không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

**7.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hải Duy**









